

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----o0o-----

**Mẫu: 19/HĐ-TG**

**HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG ĐỒNG VIỆT NAM**

*(Áp dụng cho cá nhân, hộ gia đình vay vốn phục vụ nhu cầu mua hàng trả góp)*

Số: /NHNT

....., ngày tháng năm.....

- Căn cứ Luật các Tổ chức Tín dụng ngày 12/12/1997;
- Căn cứ Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế ngày 25/9/1989 của Hội đồng Nhà nước;
- Căn cứ Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 284/QĐ-NHNN1 ngày 25/08/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam;
- Căn cứ Hướng dẫn Quy chế cho vay đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số /NHNT ngày / / của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam;
- Căn cứ Giấy đề nghị vay vốn ngày / / của .....

**Bên cho vay: Ngân hàng Ngoại thương Việt nam (NHNT) Chi nhánh .....**

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tên người đại diện:

Chức vụ:

**Bên vay: (Ông, Bà):**

Ngày, tháng, năm sinh:

Nghề nghiệp:

Chứng minh thư/Hộ chiếu số:

do

cấp ngày

Hộ khẩu thường trú:

Nơi ở hiện nay:

Điện thoại (hoặc các phương tiện liên lạc khác nếu có):

Số tài khoản tiền gửi VND của Bên vay (nếu có) tại Chi nhánh NHNT: .....

Các bên thoả thuận ký Hợp đồng Tín dụng đồng Việt Nam theo các điều khoản sau đây:

**I - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1: Số tiền vay, Mục đích sử dụng.**

1.1 Số tiền vay (bằng số): .....

Bằng chữ: .....

1.2 Mục đích sử dụng: để mua hàng trả góp .....

**Điều 2: Thời hạn cho vay.**

Thời hạn cho vay: .....tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên.

**Điều 3: Lãi suất cho vay.**

3.1 Lãi tiền vay được tính theo phương thức: Lãi tiền vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo các kỳ hạn quy định tại Hợp đồng này. Lãi suất áp dụng: ... %; số lãi tiền vay phải trả sẽ được tính trước trên toàn bộ số nợ gốc cho cả thời hạn vay cộng với số nợ gốc được chia ra thành các kỳ hạn trả nợ quy định tại Điều 5 Hợp đồng này.

3.2 Nợ quá hạn phải chịu lãi suất nợ quá hạn tính trên số tiền gốc chậm trả trong thời gian chậm trả theo qui định về lãi suất cho vay quá hạn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt nam trong từng thời kỳ.

**Điều 4: Giải ngân.**

*(Lựa chọn một trong hai phương thức)*

4.1 Bên vay nhận nợ với Bên cho vay để Bên cho vay giải ngân trực tiếp cho Bên bán hàng trả góp.

4.2 Bên cho vay giải ngân trực tiếp cho Bên vay bằng:...

**Điều 5: Trả nợ gốc và lãi.**

5.1 Bên vay trả nợ theo lịch thanh toán sau (*số lãi tiền vay phải trả sẽ được tính trước trên toàn bộ số nợ gốc cho cả thời hạn vay cộng với số nợ gốc được chia ra thành các kỳ hạn trả nợ (i) hàng tháng đều nhau hoặc (ii) theo thoả thuận*);

Đợt	Ngày trả nợ	Số tiền trả nợ		
		Tổng số	Gốc	Lãi

5.2 Phương thức trả nợ gốc và lãi được thực hiện như sau:

5.2.1 Bên vay trực tiếp trả nợ (gốc và lãi) cho Ngân hàng Ngoại thương Việt nam;

5.2.2 Ủy quyền cho Ngân hàng Ngoại thương Việt nam trích tiền từ tài khoản tiền gửi của Bên vay khi đến hạn trả nợ gốc và lãi;

5.3 Trường hợp Bên vay chưa có khả năng trả nợ gốc đến hạn cho Ngân hàng Ngoại thương vì nguyên nhân khách quan, Bên vay phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi tới Ngân hàng Ngoại thương trước ngày đến hạn trả nợ năm (5) ngày làm việc. Sau thời hạn trên, Ngân hàng Ngoại thương có quyền từ chối nhận Giấy đề nghị gia hạn nợ và được quyền tự động chuyển khoản tiền vay đến hạn sang nợ quá hạn. Ngân hàng Ngoại thương sẽ có công văn thông báo nợ quá hạn và quyết định ngày trả nợ cuối cùng. Thông báo này là một phụ kiện không tách rời của bản Hợp đồng này. Đến ngày cuối cùng ghi trong thông báo mà Bên vay không trả hết nợ thì ngày cuối cùng đó được coi là ngày phát sinh tranh chấp và Bên cho vay được thực hiện theo Điều 9.3 của Hợp đồng này.

**Điều 6: Cam kết thực hiện biện pháp đảm bảo bằng tài sản**

6.1 Bên vay và Bên bán hàng trả góp đồng ý thế chấp (cầm cố) và Bên cho vay đồng ý nhận thế chấp (cầm cố) tài sản: (*mô tả tài sản - có thể là chính tài sản trả góp trong trường hợp là tài sản hữu hình cùng với tài sản bảo đảm khác ...*) để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ quy định tại hợp đồng này. Bên vay chịu trách nhiệm hoàn thành các thủ tục cầm cố, thế chấp cho NHNT và chịu mọi chi phí liên quan.

6.2 Trong trường hợp Bên vay vi phạm các thoả thuận trong hợp đồng này thì Bên cho vay có toàn quyền xử lý tài sản thế chấp, cầm cố để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật.

**II - QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

**Điều 7: Quyền và Nghĩa vụ của Bên cho vay.**

7.1 Quyền của Bên cho vay:

7.1.1 Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tài sản thế chấp (nếu có);

7.1.2 Được tự động chuyển sang nợ quá hạn nếu Bên vay không trả nợ đúng hạn hoặc không được gia hạn nợ hoặc không được điều chỉnh nợ vay.

7.1.3. Bên cho vay được quyền xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ hoặc vi phạm nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này và các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật. Tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo, sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản sẽ được Bên cho vay thu theo thứ tự: nợ gốc, lãi vay, lãi phạt quá hạn, các chi phí khác (nếu có). Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo nếu thừa sẽ được trả lại cho bên vay, nếu thiếu thì bên vay phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại theo qui định

7.2 Nghĩa vụ của Bên cho vay:

7.2.1 Cung cấp đầy đủ và kịp thời vốn cho vay theo thoả thuận khi Bên vay xuất trình đầy đủ chứng từ hợp lệ;

7.2.2 Bồi thường thiệt hại cho Bên vay nếu do lỗi của Bên cho vay;

7.3 Bên cho vay có các quyền và nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật.

**Điều 8: Quyền và Nghĩa vụ của Bên vay.**

8.1 Quyền của Bên vay:

8.1.1 Bên vay được rút vốn theo thời hạn thoả thuận và sử dụng vốn đúng mục đích như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng;

8.1.2 Bên vay có thể trả nợ trước hạn.

8.2 Nghĩa vụ của Bên vay:

8.2.1 Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ngân hàng Ngoại thương Việt nam về việc sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng này;

8.2.2 Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

8.2.3 Tạo điều kiện cho Bên cho vay kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tài sản thế chấp, cầm cố.

8.2.4 **Trả nợ gốc và lãi vay đúng hạn cho Bên cho vay.** Nếu vì lý do khách quan không trả được đúng hạn, phải có đơn giải trình gia hạn nợ theo quy định của Quy chế cho vay;

8.2.5 Bên vay không được dùng tài sản quy định tại điểm 1.2 điều 1 của Hợp đồng này để cầm cố, thế chấp cho tổ chức tín dụng khác khi chưa trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Ngoại thương Việt nam;

8.2.6 Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thoả thuận về việc vay vốn và thực hiện các nghĩa vụ đảm bảo nợ vay đã cam kết trong hợp đồng tín dụng.

### III - CÁC CAM KẾT VÀ XỬ LÝ CÁC VI PHẠM

#### **Điều 9: Xử lý các vi phạm.**

9.1 Các bên cam kết thực hiện đúng nội dung Hợp đồng này.

9.2 Bên vay cam kết thực hiện đúng các quy định về Quy chế cho vay đối với khách hàng, Quy định về bảo đảm tiền vay và các quy định có liên quan khác của Ngân hàng Ngoại thương.

9.3 Nếu có tranh chấp, các bên thoả thuận các biện pháp khắc phục phù hợp với quy chế cho vay và quy định của pháp luật; Nếu tranh chấp mà các bên không tự thoả thuận giải quyết được, bên bị vi phạm có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

### IV -ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### **Điều 10: Điều khoản thi hành.**

10.1 Hợp đồng này và các tài liệu kèm theo hợp đồng này (như tài liệu về thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, giấy nhận nợ, giấy gia hạn nợ...và các tài liệu giải thích bổ sung hợp đồng (nếu có) là bộ phận không thể tách rời của hợp đồng, các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

10.2 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày có hiệu lực của Hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh tài sản cho đến khi bên vay trả hết nợ (gồm cả nợ gốc, lãi, các khoản tiền phạt và chi khác nếu có) (áp dụng trường hợp có sử dụng biện pháp đảm bảo).

10.3 Khi bên vay trả hết nợ gốc và lãi thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Hợp đồng được lập thành 4 bản có giá trị như nhau: Bên vay giữ 1 bản, Bên cho vay giữ 3 bản.

#### **BÊN VAY**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

#### **BÊN CHO VAY**

**Giám Đốc**

(Ký tên, đóng dấu)

**Người đồng sở hữu (Vợ/chồng) của người vay**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng phòng tín dụng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Cán bộ Tín dụng**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)